

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Công ty: Cổ phần Nam Việt: NAVIFICO
- Mã chứng khoán: NAV
- Địa chỉ trụ sở chính: 18F Tầng Nhon Phú, P. Phước Long B, Quận 9, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 37282102- Fax: (028) 37313641
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Tôn Thất Mạnh – Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ: 18F Tầng Nhon Phú, P. Phước Long B, Quận 9, TP. HCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (028) 3728 2102- Fax: (028) 37313641

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

- Link đăng tải nội dung báo cáo thường niên và tài liệu họp Đại Hội cổ đông thường niên 2020. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20 / 03 /2020 tại đường dẫn sau: <http://navifico.vn/vi/co-dong/tai-lieu-hop-dhcd-thuong-nien-2020.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

Tôn Thất Mạnh



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016

Mã chứng khoán : NAV

Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Website : www.navifico.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

THÔNG BÁO MỜI THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi : Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

- Thời gian tổ chức Đại Hội :** 08 giờ 00 Thứ năm, ngày 23/04/2020
- Địa điểm tổ chức :** 18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Q9 , TP.HCM.
- Đối tượng tham dự :**
 - Tất cả cổ đông theo danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng 06.04.2020 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập
 - Quý cổ đông / Người được ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo:
 - Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu
 - Thư mời họp
 - Giấy ủy quyền hợp lệ (bản chính) *trường hợp được ủy quyền.*
- Nội dung trình bày, thảo luận và xin ý kiến biểu quyết tại Đại Hội:**
 - Thay đổi Điều lệ và Quy chế quản trị công ty
 - Báo cáo tài chính năm 2019
Trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2019
Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2020
Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020
 - Chọn công ty kiểm toán cho tài khoá 2020
 - Cho phép nâng tỷ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai
 - Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại Hội cổ đông
- Tài liệu liên quan đến Đại hội :**

Tất cả tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên trang thông tin: www.navifico.vn

Mục thông tin dành cho cổ đông

 - Quý cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, đề nghị gửi Biên bản họp nhóm đề cử/ đơn ứng cử và sơ yếu lý lịch ứng viên theo mẫu về Ban Tổ chức Đại hội trước 16 giờ ngày 17/04/2020
 - Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban tổ chức, đề nghị quý cổ đông; người được ủy quyền vui lòng xác nhận việc đăng ký tham dự Đại hội trước 16 giờ ngày 20/04/2020tại: Bộ phận Hành Chính- Công ty cổ phần Nam Việt; 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, TP.HCM;
Điện thoại : 028 3728 2102 ; FAX: 028 3731 3641
- Hoặc xin vui lòng liên hệ : Bà Trần Thị Mỹ Thạnh ĐTDD: 0913 397948

Trân trọng.





CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016

Mã chứng khoán : NAV

Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Website : www.navifico.vn

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

DỰ THẢO QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Nhiệm kỳ IV(2016-2020)

Số thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) được bầu bổ sung là hai thành viên(02)

Việc bầu cử bổ sung thành viên HDQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 được tiến hành theo những quy định sau đây:

1. Chủ tọa đoàn của Đại hội có trách nhiệm chủ trì cuộc bầu cử với những công việc cụ thể như sau:

- Lập danh sách ứng cử viên được đề cử bầu bổ sung vào thành viên HDQT.
- Tổ chức Ban kiểm phiếu và giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Kiểm tra, phê chuẩn và công bố kết quả bầu cử.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử.

2. Nguyên tắc bầu cử:

- Đúng luật, đúng điều lệ, đảm bảo dân chủ và công bằng.
- Quyền bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
- Bầu cử công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

3. Tiêu chuẩn chọn người vào HDQT:

- Căn cứ Điều lệ công ty.
- Các ứng cử viên được đề cử hoặc tự ứng cử phải có bản lý lịch ghi rõ quá trình bản thân. Ứng viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của bản lý lịch.
- Chủ tọa đoàn có trách nhiệm rà soát danh sách các ứng cử viên hội đủ điều kiện trước khi tiến hành bầu cử.

Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HDQT : Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên ; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) người; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) người; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) người, từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) người.
- Trường hợp cá nhân tự ứng cử yêu cầu phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng

4. Danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT được hình thành trên cơ sở:

- Sự đề cử của Chủ tọa đoàn.
- Sự đề cử của các cổ đông.
- Tự ứng cử.
- Quyền đề cử hoặc tự ứng cử căn cứ vào số cổ phần sở hữu hoặc đại diện (có giấy đề cử hợp lệ)

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của năm (05) công ty khác

5. Toàn thể các cổ đông và người được cổ đông ủy quyền đang hiện diện đến giờ bầu cử đều có quyền tham gia bỏ phiếu.

Bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty

- a) Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu bổ sung (02) của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- b) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu bổ sung (02).
- c) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng được bổ sung của Hội đồng quản trị thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử : *Ứng cử viên có tổng số cổ phần sở hữu và đề cử cao được chọn trước.*

6. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên của Ban kiểm phiếu không có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

7. Phiếu bầu hợp lệ là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra: không tẩy xóa, cạo sửa, thực hiện đúng quy chế bầu cử, theo đó mỗi đại biểu chỉ được bầu cho các ứng cử viên trong tổng số phiếu được quyền biểu quyết do mình sở hữu và được ủy quyền theo đăng ký được ghi trong phiếu bầu cử.

8. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm: lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu và cùng Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông nếu có.

9. Mọi cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc bầu cử này, nếu xét thấy có những dấu hiệu vi phạm luật và Điều lệ.

10. Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016

Mã chứng khoán : NAV

Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Website : www.navifico.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thời gian	Nội dung
8 giờ 00 - 8 giờ 30	Đăng ký danh sách đại biểu
8 giờ 30 - 8 giờ 40	Giới thiệu thành phần tham dự
	Báo cáo số cổ đông hiện diện và số cổ phần hiện diện, vắng mặt.
	Thông báo Đại hội đủ điều kiện tiến hành
	Tuyên bố lý do
8 giờ 40 - 8 giờ 45	Thông qua chương trình nghị sự
8 giờ 45 - 8 giờ 50	Giới thiệu Chủ tọa đoàn
	Đề cử, ứng cử Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu – Đại hội thông qua danh sách
8 giờ 50 - 9 giờ 10	Phát biểu của Chủ tịch HĐQT
	Báo cáo thường niên năm 2019
	Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
	Định hướng hoạt động công ty
9 giờ 10 - 9 giờ 20	Báo cáo của Ban Kiểm Soát
	1. Thư Kiểm toán
	2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát
9 giờ 20 - 9 giờ 40	Giới thiệu về dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị công ty mới
9 giờ 40- 9 giờ 45	Các tờ trình
TT 01	<i>Thay đổi Điều lệ và Quy chế quản trị công ty</i>
TT 02	<i>Báo cáo tài chính năm 2019</i>
	<i>Trích lập quỹ ,chi cô tức và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019</i>
TT 03	<i>Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020</i>
	<i>Kế hoạch trích lập quỹ và chi cô tức năm 2020</i>
	<i>Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020</i>
TT 04	<i>Chọn công ty kiểm toán cho tài khoá 2020</i>
TT 05	<i>Cho phép nâng tỷ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai</i>
TT 06	<i>Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị</i>

9 giờ 45 - 10 giờ 45	Thảo luận báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và chương trình , mục tiêu phát triển công ty
	<i>Các vấn đề khác phát sinh tại Đại Hội</i>
	Biểu quyết thông qua tờ trình số 06
	Giới thiệu cách thức bỏ phiếu
	Tiến hành bỏ phiếu biểu quyết nội dung tờ trình số 01 – 05
10 giờ 45 – 11 giờ 15	Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị
	Giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị
	Giới thiệu cách thức bỏ phiếu
	Tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
11 giờ 15 – 12 giờ 00	Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu
	Đại hội tiếp tục thảo luận
12 giờ 00 – 12 giờ 10	Công bố kết quả kiểm phiếu thông qua các tờ trình
	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
12 giờ 10 – 12 giờ 30	Giải lao
	Hội đồng quản trị họp phân công
12 giờ 30– 13 giờ 00	- Thư ký đoàn Tổng hợp các ý kiến đóng góp tại Đại Hội
	- Thông qua biên bản Đại Hội
	- Thông qua các Nghị quyết ĐHĐCĐ
	- Tuyên bố bế mạc Đại Hội
13 giờ 00	Mời tiệc trưa



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016

Mã chứng khoán : NAV

Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Website : www.navifico.vn

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Nam Việt
V/v: Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Tên cổ đông :
- Số CMND hoặc Hộ chiếu/ CNĐKKD:.....
Cấp ngày Tại:.....
- Địa chỉ liên lạc:.....
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).....
- Số cổ phần sở hữu theo danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng 06.04.2020 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập:
.....cổ phần
(Bằng chữ.....
.....cổ phần)

Tôi đồng ý ủy quyền cho

- Ông, Bà:.....
- Số CMND hoặc Hộ chiếu:Cấp ngày Tại:.....
- Địa chỉ liên lạc:.....

Tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của công ty, tổ chức vào Thứ năm, ngày 23 tháng 04 năm 2020

Trong trường hợp không có người để ủy quyền, Quý vị có thể ủy quyền cho một trong các thành viên của Hội đồng quản trị có tên sau:

Ông Nguyễn Quang Hưng	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	<input type="checkbox"/>
Ông Tôn Thất Mạnh	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	<input type="checkbox"/>
Ông Đào Nguyên Thoại	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	<input type="checkbox"/>

Quý vị có thể đánh dấu 'x' vào bên cạnh tên thành viên Hội đồng quản trị muốn ủy quyền.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty.

Người nhận ủy quyền
(ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày tháng năm 2020
Người ủy quyền
(ký tên, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
* * * * *

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

V/v đề cử ứng viên tham gia HĐQT

Công ty cổ phần Nam Việt (NAV) nhiệm kỳ 2016-2020

- Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nam Việt;
- Căn cứ dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung (ứng cử/đề cử) thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Nam Việt (NAV) nhiệm kỳ 2016-2020
- Hôm nay, ngàytháng nămtại

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Nam Việt (NAV) đang nắm giữ..... cổ phần (Bằng chữ:) liên tục trong thời gian sáu (06) tháng, chiếm tỷ lệ% tổng cổ phần của công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Số ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Thời gian bắt đầu nắm giữ	Ký tên (2)

Tổng cộng:.....

Thông nhất các nội dung sau:

1. Đề cử cho các ông/ bà có tên sau tham gia ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nam Việt (NAV) nhiệm kỳ 2016-2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

STT	Họ và tên người được đề cử	Hộ chiếu/ Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Số cổ phần sở hữu

(Đính kèm bản Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) của người được đề cử)

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

- Ông/Bà:
- Số CMND/Hộ chiếu (1): Tại:
- Địa chỉ thường trú:
- Nơi ở hiện tại:

Làm người đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 tại Đại hội cổ đông thường niên 2020 theo đúng quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế Bầu cử.

Ngày tháng năm 2020

KÝ TÊN

Các cổ đông

(Ghi rõ họ tên) (2)

Người được đề cử
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Người đại diện nhóm
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

(1) Nếu cổ đông là pháp nhân thì ghi Giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh

(2) Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo pháp luật của đơn vị ký tên và đóng dấu.

- Trường hợp pháp nhân cử đại diện vốn (đại diện theo ủy quyền), thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản ủy quyền đại diện vốn theo quy định.

**ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAV)
NHIỆM KỲ 2016 – 2020**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
 Công ty Cổ phần Nam Việt

Tôi tên là:.....
Ngày sinh: Nơi sinh:
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại:..... Email:.....
Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Tại:.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....
Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại: cổ phần, tương ứng với:
..... % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nam Việt.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu HĐQT tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nam Việt.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016– 2020 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nam Việt

Trân trọng.

Ngàytháng..... năm 2020
ỨNG CỬ VIÊN
(Ký tên, ghi họ tên)

Hồ sơ kèm theo:
Sơ yếu lý lịch theo mẫu

Hình
4X6

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên :
2. Giới tính : nam nữ
3. Ngày sinh :
4. Quốc tịch:
5. CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:
.....
6. Địa chỉ thường trú :
-
7. Số điện thoại liên lạc:
8. Trình độ văn hóa:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình công tác :
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
11. Chức vụ công tác hiện nay:
12. Số lượng cổ phiếu (NAV)
Cá nhân sở hữu :
- Được ủy quyền (đại diện vốn):

13. Hiện là thành viên Hội đồng quản trị của công ty :

.....
.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày Tháng Năm 2020

Người khai

Ký tên,

(Ghi rõ Họ, tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNDKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016

Mã chứng khoán : NAV

Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Website : www.navifico.vn

Số: 01 /TT-NAV-2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

KÍNH TRÌNH : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

V/v: Thay đổi Điều lệ và Quy chế quản trị công ty

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành
2. - Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 , Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành
3. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017
4. Thông tư, Số: 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn thi hành

Đề phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016
Mã chứng khoán : NAV
Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641
Email: naviinfo@navifico-corp.com
Website : www.navifico.vn

Số: 02 /TT-NAV-2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

KÍNH TRÌNH : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

- V/v: - Báo cáo tài chính năm 2019
- Trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2019
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2019

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

I. Báo cáo tài chính năm 2019 :

1. Tình hình thực hiện kế hoạch

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019	% THỰC HIỆN 2019 SO THỰC HIỆN 2018	% THỰC HIỆN 2019 SO KẾ HOẠCH
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.913.422.637	77.000.000.000	105.232.335.620	117,04%	136,67%
Tổng lợi nhuận trước thuế	14.996.542.988	9.400.000.000	14.417.518.387	96,14%	153,38%

Báo cáo tài chính năm 2019 :

- Thư kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) về Báo cáo tài chính 2019

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán(đính kèm)

II. Trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2019 :

- Trích lập quỹ :
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi : 576.700.736 đồng
- Chi cổ tức
Chi cổ tức năm 2019 bằng tiền : 15% mệnh giá cổ phiếu

III. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát : 415.171.134 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG CHU TỊCH
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
QUẬN 9 - T.P. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Quang Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016

Mã chứng khoán : NAV

Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Website : www.navifico.vn

Số : 03 /TT-NAV-2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

KÍNH TRÌNH : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

V/v : - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2020

- Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2019	KẾ HOẠCH 2020	% KẾ HOẠCH 2020 SO THỰC HIỆN 2019
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.232.335.620	106.000.000.000	100,73%
Tổng lợi nhuận trước thuế	14.417.518.387	18.000.000.000	124,85%

II. Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2020:

- **Trích lập quỹ:**

Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi : 4% lợi nhuận sau thuế

- **Mức chi cổ tức năm 2020 bằng tiền: 15% mệnh giá cổ phiếu**

III. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 : 3% lợi nhuận sau thuế và sau khi trích các quỹ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
QUẬN 9 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quang Hưng

	<p style="text-align: center;">CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM Giấy CNDKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016 Mã chứng khoán : NAV Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641 Email: naviinfo@navifico-corp.com Website : www.navifico.vn</p>
---	---

Số : 04 /TT-NAV-2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

KÍNH TRÌNH : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

V/v: - Chọn công ty kiểm toán cho tài khoá 2020

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

Hội đồng quản trị đề xuất danh sách chọn công ty kiểm toán cho tài khóa 2020 :

- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP HCM (AISC)
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC VIỆT NAM

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn lựa một trong các công ty kiểm toán trên để thực hiện công tác kiểm toán cho tài khóa 2020.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ : 18 F Tăng Nhơn Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM
Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016
Mã chứng khoán : NAV
Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641
Email: naviinfo@navifico-corp.com
Website : www.navifico.vn

Số: 05 /TT-NAV-2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

KÍNH TRÌNH : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

V/v: Cho phép nâng tỷ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 41/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nam Việt

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động, tái cấu trúc lại công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua đề nghị tăng tỷ lệ sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hương Ngân CMND số 023588590 Do Công An TP. HCM cấp ngày 27/12/2010 hiện đang sở hữu 1,717,832 cổ phần chiếm tỷ lệ 21.47 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Nam Việt (Mã CK: NAV) như sau:

1. Số lượng cổ phần mua : Chấp nhận cho Bà Nguyễn Thị Hương Ngân mua/ nhận chuyển nhượng cổ phiếu NAV với mục tiêu sở hữu đạt tỷ lệ 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty cổ phần Nam Việt (NAV)
2. Phương thức mua : Thông qua hình thức mua khớp lệnh hoặc mua thỏa thuận theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai
3. Thời gian thực hiện: sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Nam Việt thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
M.S.D.N: 0302205973 - C.T.C.P
QUẬN 9 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quang Hưng

	<p style="text-align: center;">CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT Địa chỉ : 18 F Tầng Nhon Phú , Phường Phước Long B, Quận 9, HCM Giấy CNĐKKD số 0302205973 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 19/05/2016 Mã chứng khoán : NAV Điện thoại : 028 3728 2102 Fax : 028 3731 3641 Email: naviinfo@navifico-corp.com Website : www.navifico.vn</p>
---	---

Số: 06 /TT-NAV-2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

KÍNH TRÌNH : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

V/v: - Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 , Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nam Việt
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty
- Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn trong công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua :

- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị là 05 người,
- Bầu bổ sung thêm 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Hưng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I.	Thông tin chung.....	3
1.	Thông tin khái quát.....	3
1)	Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nam Việt.....	3
2)	Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3)	Các sự kiện khác:.....	3
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:.....	3
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
4.	Định hướng hoạt động.....	4
	Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	4
	Các nội dung hoạt động.....	4
	Triển khai giải pháp:.....	5
5.	Các rủi ro.....	5
	Rủi ro tuân thủ:.....	5
	Rủi ro trong kinh doanh:.....	5
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	5
1)	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	5
	Tổng quát:.....	6
	Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình.....	6
	Tồn kho nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa.....	6
	Nghĩa vụ với ngân sách và cổ đông.....	6
2)	Tổ chức và nhân sự.....	7
3)	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	7
4)	Tình hình tài chính:.....	8
	Tình hình tài chính ngày càng được cải thiện:.....	8
	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	8
5)	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	9
6)	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	9
	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	9
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	9
1)	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2)	Tình hình tài chính.....	9

IV.	Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	10
1)	Đánh giá về các mặt hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:	10
2)	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	10
3)	Quản trị công ty	10
	Hội đồng quản trị.....	10
	Ban Kiểm soát.....	11
V.	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	11
1)	Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.....	11
2)	Hoạt động của Ban Kiểm Soát (BKS) 2019.....	12
3)	Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty :	12
4)	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 12	
VI.	Kế hoạch 2020.....	13
1)	Kế hoạch kinh doanh 2020.....	13
2)	Kế hoạch trích lập các quỹ và chi cổ tức năm 2020:	13
3)	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:.....	13

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAV)
Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- 1) Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nam Việt
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01/02/2001 thay đổi lần thứ 10 ngày 19/05/2019.
 - Vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
 - Địa chỉ: 18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, HCM.
 - Số điện thoại: 028 3728 2102
 - Số fax: 028 3731 3641
 - Website: www.navifico.vn
 - Mã cổ phiếu: NAV
- 2) Quá trình hình thành và phát triển
 - Công ty cổ phần Nam Việt (NAVIFICO) tiền thân là Công ty Nam Việt thành lập năm 1963.
 - Năm 1975, NAVIFICO chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh
 - Năm 2001, trở thành Công ty cổ phần Nam Việt
 - Ngày 22 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 3) Các sự kiện khác:
 - Công ty cổ phần Nam Việt là thành viên tổ chức hội thảo IIBCC 2014 tại Việt Nam (Hội thảo quốc tế về Vật liệu composite vô cơ sợi gia cường)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và sản xuất chế biến gỗ, cho thuê kho, bãi
- Địa bàn kinh doanh:
Tham gia thị trường nội địa và xuất khẩu (Việt Nam, Pháp, Úc, Nhật, Hoa Kỳ)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Công ty: Quản trị công ty theo mô hình 1 tại điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014

- + Đại hội đồng cổ đông (DHĐCĐ)
- + Hội Đồng Quản Trị (HDQT)
- + Ban Kiểm Soát (BKS)
- + Ban Tổng Giám Đốc (BTGD)

Cơ cấu bộ máy quản lý:

Các đơn vị trực thuộc:

Xí nghiệp Gỗ Nam Việt

Phòng ban chức năng:

Văn Phòng Công ty

Phòng Kế toán Tài chính

- Các công ty con, công ty liên kết:
Công ty cổ phần Nam Việt đầu tư tài chính nắm giữ 38,33% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn (SDC)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SAIGON (SDC)

Trụ sở chính: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất xi măng dân dụng và xi măng đặc chủng, sản xuất chế biến gỗ

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng

4. Định hướng hoạt động

- Bảo toàn vốn và gia tăng giá trị cổ phần của công ty.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong năm 2019, trong bối cảnh đặc thù của công ty chúng ta đã vận hành linh hoạt hoạt động tài chính của công ty theo mục tiêu ĐHĐCĐ 2019.

Năm 2019, Việt Nam tiếp tục là một trong những Quốc gia tăng trưởng nhanh tại ASEAN. Với sự tăng trưởng mạnh mẽ này, chúng ta nhìn thấy nhiều cơ hội trên thị trường và những cơ hội đầu tư khác trong tương lai.

Các nội dung hoạt động

1. Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các chi phí duy trì hoạt động
2. Tập trung tích lũy các khoản vốn bằng tiền.
3. Xử lý tài sản nguyên vật liệu tồn kho, hàng hóa chậm luân chuyển theo kế hoạch đã trình HĐQT.
4. Tổ chức tiến hành thanh lý tháo dỡ tài sản cố định không còn phù hợp tạo mặt bằng kinh doanh kho bãi.
5. Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh gỗ theo mục tiêu và định hướng do HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra.
6. Tiếp tục khai thác bất động sản tại mặt bằng 18 F Tầng Nhọn Phú Q9 TP.HCM.

Triển khai giải pháp:

- Quản lý chặt chẽ chi phí, phân công trách nhiệm cụ thể trong bộ máy điều hành
- Thường xuyên đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ kế hoạch ĐHCĐ giao và có các giải pháp kịp thời
- Kiểm tra, rà soát, bảo quản các hồ sơ tài liệu pháp lý của doanh nghiệp.
- Rà soát, hoàn chỉnh, bảo quản các hồ sơ giao dịch tài sản công ty.

Hội đồng thanh lý tài sản công ty đã tiến hành các thủ tục xử lý thanh lý tài sản thiết bị, công nợ khó đòi thực hiện theo quy định pháp luật (căn cứ Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính).

- Tham gia các hoạt động xã hội và phát triển cộng đồng dân cư và gìn giữ vệ sinh môi trường

5. Các rủi ro

Rủi ro tuân thủ:

- Tuân thủ luật pháp là một phần trong văn hóa quản trị của Công ty
Các chính sách phát triển kinh tế của chính phủ tác động trực tiếp đến mục tiêu bảo tồn vốn và gia tăng giá trị cổ phần của công ty chính là quy hoạch sử dụng đất Q9 tại khu vực công ty hoạt động; hiệu chỉnh chính sách quản lý của nhà nước đối với Hợp đồng thuê đất của doanh nghiệp Năm 2020 là năm cuối cùng của Hợp đồng thuê đất giữa Nhà Nước với công ty và theo quy hoạch sử dụng đất tại đây thì từ 2020 sẽ là khu dân cư .

Rủi ro trong kinh doanh:

- Rủi ro trong thanh kiểm tra nghĩa vụ tài chính của công ty
- Rủi ro trong việc thay đổi chính sách giá của Nhà nước(điện, nước, thuê đất, tiền lương, lao động)
- Rủi ro trong thiên tai, cháy nổ ...

Các việc cần tiến hành ngay:

1. Duy trì hoạt động kinh doanh thông qua việc hợp tác kinh doanh nhằm mục tiêu thu hồi được giá trị tài sản cố định còn lại, khai thác nhà xưởng, kho bãi..
2. Xử lý các khoản chi phí tồn đọng các năm trước, trích lập dự phòng công nợ khoản thu khó đòi, hàng tồn kho chậm luân chuyển giải quyết thanh lý, bán thu hồi tiền.
3. Liên hệ với Sở Tài nguyên môi trường để gia hạn Hợp đồng thuê đất
4. Định hướng hoạt động giai đoạn 2021-2025

II. Tình hình hoạt động trong năm

1) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đạt mục tiêu ĐHCĐ 2019, thể hiện:

- Cơ cấu Tài sản: vốn bằng tiền tăng nhanh +6,48% (2019 là 64,18 % so 2018 là 57,70 %)
- Kết quả kinh doanh 2019, khoản đầu tư tài chính năm 2019 phát huy hiệu quả rất tốt.
- Hệ số an toàn vốn được đảm bảo
Thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển
Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận đạt yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch Đại hội đề ra.

Năm 2019, Ban Điều hành công ty đã thực hiện tốt mục tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ 2019:

- Bảo toàn vốn, duy trì hoạt động sản xuất chế biến gỗ, kinh doanh cho thuê kho, bãi và đầu tư tài chính.
- Đảm bảo mức chi cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

Tổng quát:

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình

Nội dung	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản cố định hữu hình	12.578.852.597	12.407.004.231

Trong đó : giá trị còn lại của máy móc thiết bị : 7.516.153.661

Công ty tiếp tục xúc tiến tìm kiếm đối tác hợp tác, chuyển nhượng hoặc thanh lý các máy móc, trang thiết bị sản xuất không còn tham gia sản xuất để gia tăng vốn lưu động.

Tồn kho nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa

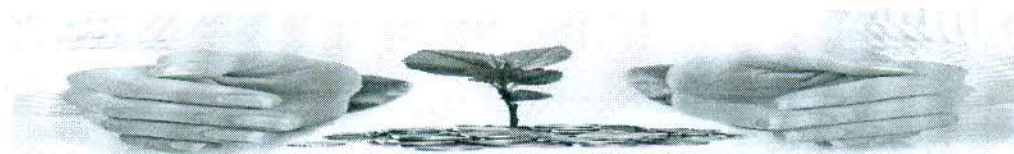
Nội dung	31/12/2018	31/12/2019
Hàng tồn kho	27.027.756.933	19.933.339.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-1.459.683.722	-3.572.322.692

Ban Tổng Giám Đốc tiếp tục tiến hành đánh giá lại giá trị đảm bảo, tăng trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; đảm bảo hiệu quả thực trong kinh doanh
Xử lý các nghiệp vụ tài chính, lành mạnh hóa công tác quản lý tài sản

Nghĩa vụ với ngân sách và cổ đông

Năm 2019 đã hoàn thành mục tiêu đề ra :

- Bảo toàn vốn, tăng cường tập trung tích lũy vốn bằng tiền
- Tạm ứng cổ tức 2019 bằng tiền theo nghị quyết ĐHĐCĐ là 10 % trên mệnh giá
Dự kiến cổ tức 2019 bằng tiền đề nghị ĐHĐCĐ 2020 thông qua là 15% trên mệnh giá



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	So sánh (+/-)	So sánh %
Tổng giá trị tài sản	169.890.777.239	187.351.156.939	17.460.379.700	110,28%
Doanh thu thuần	89.913.422.637	105.232.335.620	15.318.912.983	117,04%
Lợi nhuận trước thuế	14.996.542.988	14.417.518.387	-579.024.601	96,14%

2) Tổ chức và nhân sự

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG
ÔNG TÔN THẮT MẠNH
ÔNG ĐÀO NGUYỄN THOẠI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(*) Ông Vũ Hải Bằng từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT 01.01.2020.
(*) Ông Nguyễn Quang Hưng được HĐQT tin nhiệm bầu làm chủ tịch kể từ ngày 10.01.2020

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH MINH
ÔNG NGUYỄN TÔN NHÂN
ÔNG NGUYỄN NGỌC PHI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG TÔN THẮT MẠNH
ÔNG PHẠM MINH TUYẾN
ÔNG NGUYỄN TRUNG MINH ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(*) Ông Nguyễn Trung Minh Anh thôi Phó Tổng Giám Đốc từ ngày 01.03.2019

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÀ TRẦN THỊ MỸ THANH

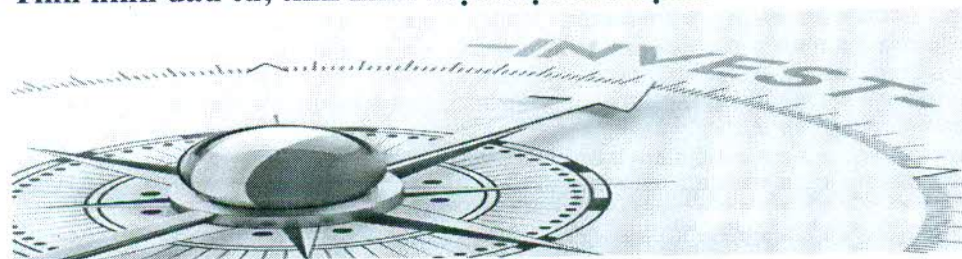
Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động của công ty đến 31/12/2019 115 người

Phân loại theo trình độ chuyên môn:

* Đại học	22	người
* Cao đẳng	7	người
* Trung cấp	4	người
* Công nhân lành nghề	82	người

3) Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án



- Hợp tác đầu tư kinh doanh địa ốc khu đất 18F Tầng Nhơn Phú

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nghiên xi măng đặc chủng xi măng chuyên dụng và sản xuất chế biến gỗ.

4) Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính ngày càng được cải thiện:

Điểm đặc biệt trong năm tài chính 2019 là sự gia tăng nhanh của khoản vốn bằng tiền, chiếm tỷ trọng 64,18 % tổng tài sản ; năm 2018 tỷ trọng này chỉ là 57,70 %.

Chỉ tiêu	TH 31/12/2018	TH 31/12/2019	So sánh (+/-)	So sánh %
Tổng Tài Sản	169.890.777.239	187.351.156.939	17.460.379.700	110,28%
trong đó:				
Tiền và tiền gửi ngân hàng	98.037.550.721	120.245.292.406	22.207.741.685	122,65%
Tiền	4.037.550.721	3.245.292.406	-792.258.315	
Tiền gửi ngân hàng				
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	94.000.000.000	87.000.000.000	-7.000.000.000	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		30.000.000.000	30.000.000.000	
% so Tổng tài sản	57,70%	64,18%	6,48%	

Mức độ hoàn thành so kế hoạch 2019 :

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh TH/KH (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.000.000.000	105.232.335.620	136,67%
Tổng lợi nhuận trước thuế	9.400.000.000	14.417.518.387	153,38%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,14	2,08	1,70
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,60	1,71	1,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,39	0,43	0,43
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,63	0,75	0,77
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	2,16	2,97	4,76
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,75	0,53	0,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,62%	16,68%	13,70%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	3,22%	15,42%	13,62%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	1,97%	8,83%	7,70%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	1,16%	13,05%	13,42%

5) Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần, tất cả là cổ phần phổ thông.

Cơ cấu cổ đông: chờ thống kê từ TTLKCK

• Cổ đông tổ chức		Cổ đông cá nhân	
• Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài	
• Cổ đông nhà nước		Các cổ đông khác	

6) Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường nghiêm chỉnh nên 2019 tại Công ty không phát sinh vi phạm nào về môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần Nam Việt đã vượt qua giai đoạn khó khăn với kết quả:

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	So sánh %
Tổng giá trị tài sản	169.890.777.239	187.351.156.939	110,28%
Doanh thu thuần	89.913.422.637	105.232.335.620	117,04%
Lợi nhuận trước thuế	14.996.542.988	14.417.518.387	96,14%

So với mục tiêu:

Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ 2019	Thực hiện 2019	So sánh TH/KH (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.000.000.000	105.232.335.620	136,67%
Tổng lợi nhuận trước thuế	9.400.000.000	14.417.518.387	153,38%
Mức chi cổ tức bằng tiền 2019 theo nghị quyết ĐHCĐ	10%		
HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ 2020 mức chi cổ tức 2019		15%	

Hoàn thành mục tiêu như đã trình bày: bảo toàn được vốn và trả được cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

2) Tình hình tài chính

Chỉ số sinh lợi	2017	2018	2019
-----------------	------	------	------

ROS : lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	2,62%	16,68%	13,70%
ROE : lợi nhuận sau thuế/ vốn sở hữu	3,22%	15,42%	13,62%
ROA : lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	1,97%	8,83%	7,70%

Năm 2019 công ty tăng các khoản trích lập dự phòng tài chính để bảo toàn vốn

IV. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

1) Đánh giá về các mặt hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng Quản Trị công ty đã tuân thủ qui định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty.

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát theo đúng chức năng quyền hạn nhiệm vụ được qui định.

Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo Ban điều hành công ty tập trung mọi hoạt động công ty cho mục tiêu bảo toàn vốn và gia tăng giá trị cổ phần trong tương lai

2) Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Từ nhận định các rủi ro trong kinh doanh, HĐQT đã đi đến những quyết định:

- Vốn hóa bằng tiền toàn bộ tài sản công ty
- Nghiên cứu định hướng công ty giai đoạn 2021-2025

3) Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Bảng danh sách thành viên HĐQT và số cổ phần nắm giữ

DANH SÁCH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA	SỐ CỔ PHẦN NẮM GIỮ (NAV)	TỶ LỆ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	THAM GIA	CÁC CHỨC DANH KHÁC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG	TV HĐQT	12/12			ĐẠI HỌC KTQD	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	CT HĐQT CTCP Đầu Tư VIỆT HẢI
ÔNG TÔN THẮT MẠNH	TV HĐQT	12/12	84.640	1,06%	CỬ NHÂN QTKD	TỔNG GIÁM ĐỐC	CT HĐQT CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG ĐÀO NGUYỄN THOẠI	TV HĐQT	12/12	-	0,00%		KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TP Tổ chức nhân sự CTTNHH MTV TCTXD Saigon

- Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/NQ-HĐQT-2019-NAV	14/03/2019	Tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2019 tổ chức ngày 27/04/2019

2	02/TB-HDQT-2019-NAV	14/03/2019	Thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
3	03/NQ-HDQT-2019-NAV	27/04/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt đơn giá tiền lương 2019
4	04/NQ-HDQT-2019-NAV	24/08/2019	Nghị quyết HDQT thống nhất chủ trương bán toàn bộ dây chuyền sản xuất tấm xi măng sợi đã qua sử dụng và các thiết bị phụ trợ cho Công ty cổ phần Phát triển Sài Gòn.
5	05/NQ-HDQT-2019-NAV	27/12/2019	Nghị quyết về việc chi tạm ứng cổ tức 2019

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	HỌ TÊN	Chức danh	Đã tham dự hội thảo QTCT do [IFC & SGDCK]	Chưa có chứng chỉ QTCT
1	Nguyễn Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT		X
2	Tôn Thất Mạnh	Thành viên HĐQT	X	X
3	Đào Nguyễn Thoại	Thành viên HĐQT		X

Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

DANH SÁCH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ (NAV)	TỶ LỆ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	THAM GIA	CÁC CHỨC DANH KHÁC
BAN KIỂM SOÁT							
ÔNG NGUYỄN NGỌC PHI	Trưởng BKS	12/12		0%	ĐẠI HỌC		
ÔNG NGUYỄN ĐÌNH MINH	TV BKS	12/12	-	0%	ĐẠI HỌC KINH TẾ	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	Trưởng BKS CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG NGUYỄN TÔN NHÂN	TV BKS	12/12	10.226	0,13%	Cử nhân TCKT Trường ĐH Thủy Sản	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	BKS CTCP Phát Triển SAIGON

V. Hoạt động của Ban kiểm soát

Tham gia các cuộc họp thường kỳ hàng quý và đột xuất của HĐQT;
Tham dự các buổi họp hàng tuần với Ban quản lý công ty nắm bắt kịp thời các chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

1) Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019	Thực hiện 2019	So sánh %
1. Doanh thu	đồng	77.000.000.000	105.232.335.620	136,67%
2. Lợi nhuận trước thuế	đồng	9.400.000.000	14.417.518.387	153,38%
3. Mức chi cổ tức	%	10%	Dự kiến 15%	

2) Hoạt động của Ban Kiểm Soát (BKS) 2019

Năm 2019, BKS tham gia tích cực cùng các chuyên viên phân tích sự biến động của hoạt động tài chính công ty.

Ban Kiểm Soát đã xem xét và yêu cầu tích cực giải quyết các vấn đề:

- Nợ quá hạn, trích lập và xử lý dự phòng nợ khó đòi
- Kiểm kê tài sản định kỳ và lập các bút toán điều chỉnh sau khi đánh giá lại giá trị thực tế với giá trị sổ sách, trích lập giảm giá hàng tồn kho

Ban Kiểm Soát:

- Thống nhất các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu trong phần báo cáo của Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát thường xuyên tham gia góp ý về tính pháp lý trong việc triển khai các quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thuộc lĩnh vực tài chính, phòng ngừa rủi ro và các vấn đề được tham khảo ý kiến.
- Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên tại văn bản số A0619249-R/AISC-DN6 về Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, lập ngày 04/03/2020

3) Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty:

HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và thực hiện công bố thông tin theo qui định
Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

4) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

HỌ TÊN	THÙ LAO 2019 HĐQT & BKS	LƯƠNG THỰC NHẬN 2019	GHI CHÚ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
NGUYỄN QUANG HƯNG	57,595,876		CHỦ TỊCH
TÔN THẮT MẠNH	57,595,876	546,666,000	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀO NGUYỄN THOẠI	68,550,476		
VŨ HẢI BĂNG	57,595,876		
BAN KIỂM SOÁT			
NGUYỄN ĐÌNH MINH	57,595,876	120,000,000	
NGUYỄN TÔN NHÂN	57,595,876	280,000,000	
NGUYỄN NGỌC PHI	46,641,276		TRƯỞNG BKS
PHẠM MINH TUYẾN			PHÓ TGD
TRẦN THỊ MỸ THẠNH		420,000,000	KẾ TOÁN TRƯỞNG

VI. Kế hoạch 2020

1) Kế hoạch kinh doanh 2020



CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2019	KẾ HOẠCH 2020	% KẾ HOẠCH 2020 SO THỰC HIỆN 2019
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.232.335.620	106.000.000.000	100,73%
Tổng lợi nhuận trước thuế	14.417.518.387	18.000.000.000	124,85%

Công ty tiếp tục thực hiện :

- Phân loại, đánh giá tài sản quản lý
- Tiến hành các thủ tục ghi nhận tài chính dự phòng
- Tích cực giải quyết nguồn vật tư nguyên liệu, thành phẩm chậm luân chuyển, kém phẩm chất.
- Tiến hành các thủ tục và thực hiện việc gia hạn hợp đồng thuê đất và phối hợp triển khai Phương án khai thác kinh doanh địa ốc tại địa điểm 18 F Tầng Nhon Phú

2) Kế hoạch trích lập các quỹ và chi cổ tức năm 2020:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4% lợi nhuận sau thuế.
- Mức chi cổ tức năm 2020 bằng tiền : 15 % mệnh giá cổ phiếu

3) Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020: 3% lợi nhuận sau thuế và sau trích lập Quỹ.

- Báo cáo tài chính (đính kèm)
- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Côn Chặt Mạnh

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng)

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
ĐIỀU 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty	5
ĐIỀU 3: Người đại diện pháp luật của công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
ĐIỀU 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của công ty	5
ĐIỀU 5: Phạm vi kinh doanh	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
ĐIỀU 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
ĐIỀU 7: Chứng nhận cổ phiếu	6
ĐIỀU 8: Chứng chỉ chứng khoán khác	7
ĐIỀU 9: Chuyển nhượng cổ phần	7
ĐIỀU 10: Thu hồi cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	11
Điều 17. Thay đổi các quyền	12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15

Điều 22. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	21
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	24
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	24
VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	25
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	25
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	25
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc).....	25
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	26
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	26
Điều 37. Kiểm soát viên.....	26
Điều 38. Ban kiểm soát.....	27
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	28
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	28
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	28
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	29
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	30
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	30
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	30
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	30
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	30
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	31

<i>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</i>	31
<i>Điều 46. Năm tài chính</i>	31
<i>Điều 47. Chế độ kế toán</i>	31
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	31
<i>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</i>	31
<i>Điều 49. Báo cáo thường niên</i>	32
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	32
<i>Điều 50. Kiểm toán</i>	32
XVII. CON DẤU	32
<i>Điều 51. Con dấu</i>	32
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	32
<i>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</i>	32
<i>Điều 53. Gia hạn hoạt động</i>	33
<i>Điều 54. Thanh lý</i>	33
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	33
<i>Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	33
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	34
<i>Điều 56. Điều lệ công ty</i>	34
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	34
<i>Điều 57. Ngày hiệu lực</i>	34

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 23 tháng 04 năm 2020

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. Giải thích thuật ngữ

Trong điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại điều 6 Điều lệ này
2. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
3. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
4. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
5. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
6. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
7. Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán.
8. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
9. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
10. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
11. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
12. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
13. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/NĐ-CP.
14. Người biết thông tin nội bộ tại khoản 33 Điều 6 Luật chứng khoán
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc của công ty đại chúng; thành viên Ban đại diện quỹ đại chúng;
 - b) Cổ đông lớn của công ty đại chúng, quỹ đại chúng;
 - c) Người kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng, quỹ đại chúng;
 - d) Người khác tiếp cận được thông tin nội bộ trong công ty đại chúng, quỹ đại chúng;
 - e) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán của công ty;
 - f) Tổ chức, cá nhân có quan hệ hợp tác kinh doanh, cung cấp dịch vụ với công ty đại chúng, quỹ đại chúng và cá nhân làm việc trong tổ chức đó;

- g) Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có được thông tin nội bộ từ những đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này
15. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
16. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành
Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.
17. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
Đại hội đồng cổ đông viết gọn ĐHĐCD
Hội đồng quản trị viết gọn HĐQT
Ban Kiểm soát viết gọn BKS
18. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty

- Tên Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
Tên giao dịch quốc tế: NAM VIET JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: NAVIFICO
- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: 18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 028.3728.2102
 - Fax: 028.3731.3641
 - Email: naviinfo@navifico-corp.com
 - Website: www.navifico.vn
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty bắt đầu từ ngày thành lập và thời hạn là 50 năm.

ĐIỀU 3: Người đại diện pháp luật của công ty

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của công ty

1. Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ; tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh

doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo qui định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh

ĐIỀU 5: Phạm vi kinh doanh

- 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.*
- 2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000đ (Tám mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng /một cổ phần.*
- 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.*
- 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.*
- 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.*
- 5. Họ tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của cổ đông sáng lập; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập theo qui định tại Điều 26 Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.*
- 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông đăng ký không mua hết do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.*
- 7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.*
- 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật*

ĐIỀU 7: Chứng nhận cổ phiếu

- 1. Cổ đông của công ty được cấp một chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu.*
- 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo qui định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.*

3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

ĐIỀU 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của công ty

ĐIỀU 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền liên quan như quyền cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 10: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và không quá 12% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT, HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người sở hữu cổ phần trước thời điểm thu hồi; việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát
- d) Giám đốc (Tổng giám đốc).

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - k) (Các quyền đối với các loại cổ phần khác)
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông

là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.*
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;*
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;*
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;*
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.**
- 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.*
- 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.*
- 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.*
- 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;*
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;*
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.**(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)**

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.*
- 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.*
- 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;*
 - b. [Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ];*
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;*
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có**

đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.
 Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

- g) *Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;*
 - h) *Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;*
 - i) *Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;*
 - j) *Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;*
 - k) *Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;*
 - l) *Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;*
 - m) *Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;*
 - n) *Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;*
 - o) *Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.*
3. *Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:*
- a) *Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;*
 - b) *Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.*
4. *Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.*

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. *Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.*
2. *Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:*
 - a) *Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;*
 - b) *Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;*
 - c) *Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.*
 - d) *Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.*
3. *Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).*

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Gửi thông báo “V/v: Chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm xxxx” Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
Tất cả cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông cổ đông theo danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng / / do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập
 - a) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - b) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - c) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - f) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thư mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười (10)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.*
- 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.*
- 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.*
- 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.*
- 5. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.*
- 6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.*
- 7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.*
- 8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.*
- 9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.*
- 10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:*

- a) *Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;*
 - b) *Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;*
 - c) *Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.*
11. *Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:*
- a) *Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);*
 - b) *Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;*
 - c) *Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.*
12. *Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.*
13. *Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.*

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. *Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:*
 - a) *Thông qua báo cáo tài chính năm;*
 - b) *Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;*
 - c) *Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).*
2. *Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.*
3. *Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.*
4. *Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.*

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:*
2. *Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.*

3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu;

- liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản

trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. **Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.**
Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong **vòng 30 ngày** theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i) Các thông tin khác (nếu có).
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Có đơn từ chức;
 - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;
 - e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - p) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.*
- 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.*
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.*
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.*

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.*
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.*
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.*
- 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.*
- 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty.*

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.*

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a) Ban kiểm soát;
 - b) Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng

phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Biểu quyết
 - a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc).

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- g) Vào ngày 31/10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - e) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - f) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - g) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - h) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - i) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - j) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - k) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - l) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - m) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - n) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - o) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - p) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - q) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;
 - d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch

đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao

dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

- Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - Nợ thuế;
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - Cổ đông với Công ty;
 - Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.*
- Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.*

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.*
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.*

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nam Việt nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2020 tại 18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.*
- Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:*
 - Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;*
 - Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;*
 - Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.*
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.*
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.*

() Các thành viên HĐQT ký từng trang của Bản Điều lệ*

Họ tên chữ ký của Người đại diện theo pháp luật – các thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
CHỦ TỊCH HĐQT CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng)

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	4
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT	4
Chương I. Quy định chung	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	4
Chương II. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....	5
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	5
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	6
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ.....	6
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	6
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	7
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ.....	7
Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	7
Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	8
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	8
Chương III. Thành viên HĐQT	9
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT.....	9
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	10
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT & BKS.....	10
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	10
Chương IV. Họp HĐQT	11
Điều 19. Thông báo họp HĐQT	11
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	12
Điều 21. Cách thức biểu quyết	12
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	12
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT.....	12

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT	12
Chương V. Kiểm soát viên	13
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	13
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	13
Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên	13
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	13
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	13
Chương VI. Các tiểu ban thuộc HĐQT	14
Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT	14
1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.	14
2. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.	14
Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....	14
Chương VII. Người điều hành doanh nghiệp	14
Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	14
Điều 33. Tổng giám đốc	14
Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	15
Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	15
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	15
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	15
VIII. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc	15
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	16
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	16
Điều 40. Việc tiếp cận thông tin.....	17
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc	17
Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS.	17
Chương IX. Người phụ trách quản trị công ty	18
Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	18
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	18
Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	18

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	18
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	18
Chương X. Ngăn ngừa xung đột lợi ích	19
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng.....	19
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	19
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	20
Chương XI. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty	20
Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	20
Chương XII. Ngày hiệu lực	20
Điều 52. Ngày hiệu lực.....	21

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**
**(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-ĐHĐCĐ/ 2020 ngày 23/04/2020
của Công ty cổ phần Nam Việt)**

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (NAVIFICO) là công ty niêm yết Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
 - a) Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b) Luật Chứng khoán số 41/VBHN-VPQH Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018
 - c) Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - d) Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
 - e) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nam Việt
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.
3. Quy chế này làm cơ sở để đánh giá việc thực hiện công tác quản trị công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
2. Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán.
3. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
4. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
5. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

8. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
9. Người biết thông tin nội bộ tại khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc của công ty đại chúng; thành viên Ban đại diện quỹ đại chúng;
 - b) Cổ đông lớn của công ty đại chúng, quỹ đại chúng;
 - c) Người kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng, quỹ đại chúng;
 - d) Người khác tiếp cận được thông tin nội bộ trong công ty đại chúng, quỹ đại chúng;
 - e) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán của công ty;
 - f) Tổ chức, cá nhân có quan hệ hợp tác kinh doanh, cung cấp dịch vụ với công ty đại chúng, quỹ đại chúng và cá nhân làm việc trong tổ chức đó;
 - g) Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có được thông tin nội bộ từ những đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này
10. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
11. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.
12. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

Đại hội đồng cổ đông viết gọn ĐHĐCĐ
Hội đồng quản trị viết gọn HĐQT
Ban Kiểm soát viết gọn BKS
13. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này

Chương II. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được giám sát thực hiện bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) về việc chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ĐHCĐ bất thường và Công ty công bố thông tin trên website của công ty.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi Thư mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
2. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp

ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- b) Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.
- c) Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi có kết quả các nội dung biểu quyết.
- d) Theo đề nghị của Chủ tọa đoàn giới thiệu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu, ĐHĐCĐ quyết định số thành viên của ban kiểm phiếu
- e) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.
- f) Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng giám đốc;
 - d) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu

bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc

- hợp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 điều 143 của Luật doanh nghiệp được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông ;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín

và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phkn biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Chương III. Thành viên HĐQT

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của 05 công ty khác.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT & BKS

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo **phương thức bầu dồn phiếu**, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. **Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.**

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
5. Theo quyết định của ĐHQĐĐ;
6. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

- 1) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i) Các thông tin khác (nếu có).
- 2) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 3) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Chương IV. Hợp HĐQT

Điều 19. Thông báo hợp HĐQT

1. Thông báo hợp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo hợp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương V. Kiểm soát viên

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại

Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Chương VI. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.
2. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Chương VII. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 33. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc

- thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - d) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - e) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f) Vào ngày **31 tháng 10** hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.
 4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

VIII. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - b) Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c) Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d) Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT
 - a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - b) Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
 - c) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
 - d) Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản tới HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
 - f) Các nội dung khác cần ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành

hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 40. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - b) Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - c) Báo cáo của Tổng giám đốc;
 - d) Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
 - e) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
 - f) Tài liệu khác liên quan.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS.

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

Chương IX. Người phụ trách quản trị công ty

Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông ;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy

định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Chương X. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác,
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm: công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời

điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHCĐ thông qua.

- d) Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương XII. Ngày hiệu lực

NAV 2020

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 52 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2020
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)